

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HS-ST
Ngày: 31-5-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Khởi.
2. Ông Nguyễn Thế Hanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Tiêu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở TAND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2019/TLST-HS ngày 07/5/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xét số 19/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Thị N, sinh năm 1971 tại Phường N, Thành phố H, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện T1, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị C; có chồng là anh Hoàng Văn H và 04 con: con lớn sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Chưa; bị tạm giữ từ ngày 07/3/2019 đến ngày 12/3/2019; Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989; cư trú tại: Thôn C, xã T, huyện T1, tỉnh Hải Dương; vắng mặt

- Anh Lê Phi H, sinh năm 1987; cư trú tại: Thôn V, xã T, huyện T1, tỉnh Hải Dương; vắng mặt

** Người làm chứng:*

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1961; vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; vắng mặt

Đều cư trú tại: Thôn C, xã T, huyện T1, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1992; cư trú tại: Khu 1, thị trấn T, huyện T1 tỉnh Hải Dương; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Thị N làm nghề bán nước tại quán thuê của bà Trần Thị T ở thôn C, xã T, huyện T1. Do muốn có thêm thu nhập, N đã đánh bạc bằng hình thức bán “số lô, số đề” cho người khác. Hình thức ghi “số lô, số đề” như sau: “Số đề và số đề ba càng” là người chơi bỏ tiền ra mua một số tự nhiên bất kỳ gồm hai hoặc ba chữ số, sau đó so với hai hoặc ba số cuối của giải đặc biệt của kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng cùng ngày, nếu trùng nhau thì người chơi được nhận số tiền tương ứng theo tỷ lệ 1000đ x 300 lần đối với “số đề ba càng”, 1.000đ x 77 lần đối với “số đề”. “Số lô” là người chơi bỏ tiền ra mua một số tự nhiên bất kỳ gồm hai chữ số, nếu đánh lô thường thì so với 7 giải (gồm 27 lần quay) của kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng cùng ngày, khi số người chơi mua trùng với hai số cuối của 7 giải thì người chơi được nhận số tiền tương ứng theo tỷ lệ: 1 điểm lô (20.000đ) x 70.000 (số người chơi mua trùng nhiều giải được lĩnh đầy đủ theo tỷ lệ trên). “Số lô xiên hai và xiên ba” là người chơi tự chọn 2 và 3 số tự nhiên gồm hai chữ số bất kỳ (gọi là cặp), khi cặp số của người chơi mua trùng với hai số cuối của giải thưởng (từ giải đặc biệt đến giải thưởng 7) thì người chơi được nhận số tiền tương ứng theo tỷ lệ: 1000đ x 10 lần đối với lô xiên hai và 1.000đ x 40 lần đối với lô xiên ba. Khi mua “số lô” thì người chơi phải mua thấp nhất là 1 điểm (tương ứng với 20.000đ), không hạn chế số tiền mua “số lô, số đề” tối đa. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 07/3/2019 N đang ở quán thì có Nguyễn Văn H và Lê Phi H đến uống nước. Khoảng 20 phút sau thì H hỏi N có bán số đề không; N bảo có, đọc số điện thoại cho chị. Sau đó H đọc số điện thoại 0906133917 của H cho N và đọc số lô, số đề gồm đề đầu 7x 100, lô 26 x 100, 62 x 200, 4 x 25 với giá 4.000.000đ, N lưu vào tin nhắn điện thoại số 0365128811 của N rồi gửi cho H và cầm lấy tiền. Thấy vậy, H bảo N bán cho mình số đề đầu 2 x 50, lô 73 x 30 với giá 1.100.000đ, N cầm tiền rồi gửi số đề, số lô qua tin nhắn điện thoại của N số 0365128811 cho số điện thoại 0974901389 của H. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì bị tổ tuần tra lực lượng công an huyện Thanh Hà phối hợp với công an xã T bắt quả tang.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 06/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Trần Thị N về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề cho H, H với tổng số tiền đánh bạc là 5.100.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị N phạm tội

“Đánh bạc”. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo N từ 07-09 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 05 ngày tạm giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan được giao giám sát giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo N cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo. Gia đình bị cáo N có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Khấu trừ 10 % thu nhập của bị cáo để sung quỹ Nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng. Hình phạt bổ sung: không áp dụng. Về vật chứng, áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia C102 màu đen và 01 điện thoại Nokia 1605 màu đen trắng. Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 5.100.000đ. Tịch thu tiêu hủy sim 0365128811, sim điện thoại 0974901389 và sim 0906133917. Về án phí, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Hà, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 07/3/2019, tại quán bán nước ở thôn C, xã T, huyện T1, tỉnh Hải Dương, Trần Thị N đang đánh bạc trái phép bằng hình thức ghi số lô, số đề cho Lê Phi H, Nguyễn Văn H thì bị Công an phát hiện bắt giữ, thu giữ số tiền 5.100.000đ dùng vào việc đánh bạc. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội. Do đó cần phải áp dụng hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình; ngoài ra bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xem xét, đánh giá tính chất của vụ án, Hội đồng xét xử thấy bị cáo đánh bạc với số tiền ít, có nhân thân tốt, lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên có thể cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia C102 màu đen thu giữ của N; 01 điện thoại Nokia 1605 màu đen trắng thu giữ của H, xét đây là công cụ sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu phát mai sung quỹ Nhà nước. Số tiền 5.100.000đ do bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Đối với các sim điện thoại số 0365128811 của N, sim số 0974901389 của H, sim số 0906133917 của H là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Đối với đối tượng tên H (người mà N khai chuyển bằng đề), do không xác định được nhân thân, quê quán nên không có căn cứ xử lý. Đối với Lê Phi H và Nguyễn Văn H, ngày 21/3/2019 Công an huyện Thanh Hà đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 41, 42 về hành vi Đánh bạc là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị N phạm tội "Đánh bạc".

2. Xử phạt bị cáo Trần Thị N 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ; được trừ 05 ngày tạm giữ bằng 15 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo N còn phải chấp hành 06 (sáu) tháng 15 (mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan được giao giám sát giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo N cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo. Gia đình bị cáo N có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Khấu trừ 10 % thu nhập của bị cáo Trần Thị N để sung quỹ Nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.

3. Về vật chứng: Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia C102 màu đen, 01 điện thoại Nokia 1605 màu đen trắng. Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 5.100.000đ. Tịch thu tiêu hủy sim điện thoại số thuê bao 0365128811, sim điện thoại số thuê bao 0974901389, sim điện thoại số thuê bao 0906133917.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra-Công an huyện Thanh Hà và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà).

4. Về án phí: Bị cáo Trần Thị N phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về phần có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Công an huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

` Vũ Thị Nhung